

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 2208/2026/DS - ST

Ngày: 05-6-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Văn Đường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thư

2. Bà Phạm Thị Thanh Thuận

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Tiệp, là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại: Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2025/TLST - DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2026/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 282/2026/QĐST - DS ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: 1. Ông **Hồng Văn H**, sinh năm: 1956

Địa chỉ thường trú: A Đường B Cư xá C, Phường D, Quận E (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Lục Phượng T**, sinh năm: 1958

Địa chỉ thường trú: G Đường H, Phường I, Quận J (nay là phường K), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 009691, quyền số: 02/2024.TP/CCSCC/HĐGD, ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng): ông **Lê Khánh T**, sinh năm: 1986, địa chỉ thường trú: thôn O, xã L, huyện M, tỉnh E (nay là phường X, tỉnh N), địa chỉ tạm trú, thực tế cư trú: C19 Chung cư M, khu phố H, thành phố T, tỉnh Z (nay là phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- Bị đơn: ông **Huỳnh Tự L**, sinh năm: 1989

Địa chỉ thường trú: 2B Đường W, Phường F, quận T (nay là phường E), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú, thực tế cư trú: A1 Đường KV phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024, các bản tự khai và các lời khai của ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) trong quá trình tố tụng tại Tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, vợ chồng nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) đã cho bị đơn (ông Huỳnh Tự L) vay tổng số tiền là 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận tại bản xác nhận và cam kết cùng ngày 18 tháng 10 năm 2023 là 12 (mười hai) tháng, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền như trên là theo quy định của pháp luật, nhưng tại bản xác nhận và cam kết ngày 18 tháng 10 năm 2023 là 1%/tháng.

Việc vay tiền giữa nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) và bị đơn (ông Huỳnh Tự L) như trên được lập thành 03 (ba) Hợp đồng vay tiền, tại: Văn phòng Công chứng P, các Hợp đồng vay tiền như sau:

1. Hợp đồng vay tiền số: 003716, ngày 18 tháng 10 năm 2023, số tiền nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) cho bị đơn (ông Huỳnh Tự L) vay là 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng;

2. Hợp đồng vay tiền số: 03717, ngày 18 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) cho bị đơn (ông Huỳnh Tự L) vay là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng;

3. Hợp đồng vay tiền số: 03718, ngày 18 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) cho bị đơn (ông Huỳnh Tự L) vay là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

Đến hạn trả nợ bị đơn (ông Huỳnh Tự L) không thanh toán theo các thỏa thuận về lãi suất mà các bên đã giao kết nên nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) đã yêu cầu Tòa án buộc bị đơn (ông Huỳnh Tự L) thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo các thỏa thuận mà các bên đã giao kết, cụ thể:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) đã yêu cầu Tòa án buộc bị đơn (ông Huỳnh Tự L) trả ngay cho ông, bà tổng số tiền vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.534.000.000 (chín tỷ năm trăm ba mươi tư triệu) đồng. Trong đó: tiền vốn là 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.134.000.000 (một

tỷ một trăm ba mươi tư triệu) đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị đơn (ông Huỳnh Tự L) thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tổng số tiền vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05 tháng 6 năm 2026) là 11.873.400.000 (mười một tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn) đồng. Trong đó: tiền vốn là 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn 1.008.000.000 (một tỷ không trăm lẻ tám triệu) đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày vi phạm (ngày 19 tháng năm 2024) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05 tháng 6 năm 2026) là 2.465.400.000 (hai tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) không có yêu cầu Tòa án triệu tập thêm cá nhân, cơ quan, tổ chức nào khác tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác.

Mặt khác, ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) còn xác nhận các tài liệu, chứng cứ mà ông đã cung cấp và Tòa án đã thu thập đã đủ căn cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) là có căn cứ và hợp pháp nên ông không nộp hoặc yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng nhưng bị đơn (ông Huỳnh Tự L) không có mặt nên không thu thập được lời khai và cũng không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án như đã nêu trên là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) về việc buộc bị đơn (ông Huỳnh Tự L) thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 và Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

3. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn (ông Huỳnh Tự L) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) cho rằng bị đơn (ông Huỳnh Tự L) đã vay và còn nợ tổng số tiền là 11.873.400.000 (mười một tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn) đồng. Trong đó: tiền vốn là 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn là 1.008.000.000 (một tỷ không trăm lẻ tám triệu) đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05 tháng 6 năm 2026) là 2.465.400.000 (hai tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: vụ án được xác định quan hệ pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn (ông Huỳnh Tự L) tạm trú, thực tế cư tại địa chỉ: A1 Đường KV phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì yêu cầu và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định như trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: trong vụ án này, chỉ có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phượng T); bị đơn (ông Huỳnh Tự L) không có yêu cầu phản tố của bị đơn (ông Huỳnh Tự L) theo quy định tại Điều 5, Điều 186, Điều 188, Điều 189, Điều 190, Điều 191, Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Mặt khác các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án đưa cá nhân, cơ quan, tổ chức nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác theo quy định tại chương VI của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện, thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phượng T) theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phượng T) vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (ông Huỳnh Tự L) không có yêu cầu phản tố và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phượng T), cụ thể:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền vốn: ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phượng T) cho rằng bị đơn (ông Huỳnh Tự L) đã vay và còn nợ nên ông đã yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Tự L thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền vốn là 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày, ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phượng T) đã cung cấp bản sao các Hợp đồng vay tiền do bị đơn (ông Huỳnh Tự L) viết, ký, điểm chỉ và được Công chứng viên Trịnh Thị Thanh H - Văn phòng Công chứng P chứng ngày 18 tháng 10 năm 2023 vi bằng, bản xác nhận và cam kết ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc xác nhận giao nhận tiền vốn, thỏa thuận lãi, thời hạn vay theo đơn khởi kiện, là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Huỳnh Tự L cũng không phản đối về các tài liệu, chứng

cứ mà ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) đã đưa ra như đã trình bày trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn (ông Huỳnh Tụ L) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 và Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Vì vậy, với yêu cầu buộc bị đơn (ông Huỳnh Tụ L) trả tiền vốn là 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T). Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật như đã nhận định trên nên chấp nhận.

[2.1.2]. Về yêu cầu trả lãi trong hạn: ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) cho rằng bị đơn (ông Huỳnh Tụ L) đã vay và còn nợ nên đã yêu cầu Tòa án buộc bị đơn (ông Huỳnh Tụ L) thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền lãi theo các thỏa thuận tại các Hợp đồng vay tiền, bản xác nhận và cam kết ngày 18 tháng 10 năm 2023 là 01%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, tính từ ngày ký Hợp đồng vay tiền, bản xác nhận và cam kết như đã trình bày trên.

Như vậy, tổng tiền lãi trong hạn được tính như sau: $8.400.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 1.008.000.000$ (một tỷ không trăm lẻ tám triệu) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.1.3]. Về yêu cầu trả lãi quá hạn: ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) cho rằng bị đơn (ông Huỳnh Tụ L) đã vay và còn nợ nên đã yêu cầu Tòa án buộc bị đơn (ông Huỳnh Tụ L) thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền lãi quá hạn theo các thỏa thuận tại các Hợp đồng vay tiền, bản xác nhận và cam kết ngày 18 tháng 10 năm 2023 như đã trình bày trên.

Như vậy, tổng tiền lãi quá hạn tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05 tháng 6 năm 2026) như sau: $8.400.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 1\% / \text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 2.465.400.000$ (hai tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 10 năm 2023 các bên có thỏa thuận lãi theo quy định của pháp luật, nhưng tại bản xác nhận và cam kết cùng ngày 18 tháng 10 năm 2023 các bên đã thỏa thuận lãi là 1%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, tính từ ngày ký hợp đồng, ký bản

xác nhận và cam kết như đã trình bày trên là phù hợp với các quy định tại Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận như đã nhận định trên.

Ngoài yêu cầu trả tiền vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn như đã nhận định trên, ông Lê Khánh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) không có yêu cầu bổ sung gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn (ông Huỳnh Tự L) phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T và ông Huỳnh Tự L được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: về thủ tục tố tụng, về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự; cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5; Điều 6 và Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào các Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b; Điều 9 và

Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2018, năm 2020 và năm 2022);

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2018 và năm 2020);

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T) về việc buộc bị đơn (ông Huỳnh Tự L) thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể:

1.1. Buộc ông Huỳnh Tự L trả cho ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T tổng số tiền là 11.873.400.000 (mười một tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn) đồng. Trong đó: tiền vốn là 8.400.000.000 (tám tỷ bốn trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn là 1.008.000.000 (một tỷ không trăm lẻ tám triệu) đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05 tháng 6 năm 2026) là 2.465.400.000 (hai tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Huỳnh Tự L tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận mà các bên đã giao kết tại các Hợp đồng vay tiền, bản xác nhận và cam kết ngày 18 tháng 10 năm 2023 phát sinh từ ngày 06 tháng 6 năm 2026 cho đến khi trả hết các khoản nợ.

Ngay sau khi nhận đủ số tiền vốn, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn như đã nêu trên. Các bên hủy giao dịch liên quan đến Hợp đồng vay tiền và các giấy tờ có liên quan mà các bên đã giao kết.

2. Về án phí: ông Huỳnh Tự L phải nộp 119.873.400 (một trăm mười chín triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được thi hành tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T khởi kiện thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án này theo quy định của Pháp luật về Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: ông Hồng Văn H, bà Lục Phương T, ông Huỳnh Tự L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2018, năm 2020 và năm 2022).

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 9;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đường